

Số: 011/2023/PEC-CBTT

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023



PETROLIMEX

V/v: Báo cáo thường niên 2022 kèm Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex
Mã chứng khoán: PLE
Trụ sở chính: Số 149 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 043 869 4252
Fax: 043 869 4737

Nội dung công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2022 đính kèm Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex ngày 10/03/2023 tại đường dẫn: www.pec.petrolimex.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, Thư ký (05)

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ



Nguyễn Thị Quỳnh Hoa

Số: 010/2023/PEC-HĐQT

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023



PETROLIMEX

BÁO CÁO

Thường niên năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101466968.
- Vốn điều lệ: 12.150.000.000 đồng (Mười hai tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 12.150.000.000 đồng (Mười hai tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng).
- Địa chỉ: Số 149 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 0243.8694252.
- Số fax: 0243.8694737.
- Website: pec.petrolimex.com.vn
- Mã cổ phiếu: PLE.
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Tiền thân của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex là Công ty khảo sát thiết kế, được ra đời ngày 2 tháng 10 năm 1972 theo quyết định số 477/VT-QĐ ngày 06 tháng 9 năm 1972 của Bộ Vật tư. Nhiệm vụ chính của Công ty là thực hiện khảo sát, thiết kế hàng loạt công trình quy mô dã chiến; thiết kế khôi phục kịp thời nhiều công trình bị bom đánh phá, góp phần đảm bảo cung ứng liên tục vật tư xăng dầu cho thời chiến.

Công ty được đổi tên lần 1 từ *Công ty Khảo sát thiết kế* thành *Viện Thiết kế* theo quyết định số 668/VT-QĐ ngày 23/11/1978 của Bộ Vật tư.

Bước vào thời kỳ đổi mới, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ về sắp xếp doanh nghiệp, từ tháng 4 năm 1993 Công ty trở thành doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty xăng dầu Việt Nam (nay là tập đoàn xăng dầu Việt Nam), Công ty được đổi tên lần thứ 2 từ *Viện Thiết kế* thành *Công ty Thiết kế xăng dầu và dầu khí* theo Quyết định số 204/TM-QĐ ngày 09 tháng 3 năm 1993 của Bộ Thương mại.

Để đáp ứng nhu cầu thị trường, Công ty đã mở rộng lĩnh vực hoạt động và đổi tên lần thứ ba từ *Công ty Thiết kế công trình xăng dầu và dầu khí* thành *Công ty Tư vấn xây dựng dầu khí Petrolimex* theo Quyết định số 550/2001/QĐ-BTM ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ Thương mại. Lĩnh vực hoạt động của Công ty không dừng lại ở khảo sát, thiết kế, mà còn thêm các dịch vụ tư vấn khác như: quy hoạch, lập dự án, giám sát thi công; không chỉ có xăng dầu mà có cả các sản phẩm hóa dầu, gas, các công trình công nghiệp và dân dụng khác.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước Công ty đã được thay đổi tên lần thứ tư *Công ty Tư vấn xây dựng dầu khí Petrolimex* thành *Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Petrolimex* theo Quyết định số 1805/2003/QĐ-BTM ngày 24 tháng 12 năm 2003 của Bộ Thương mại.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

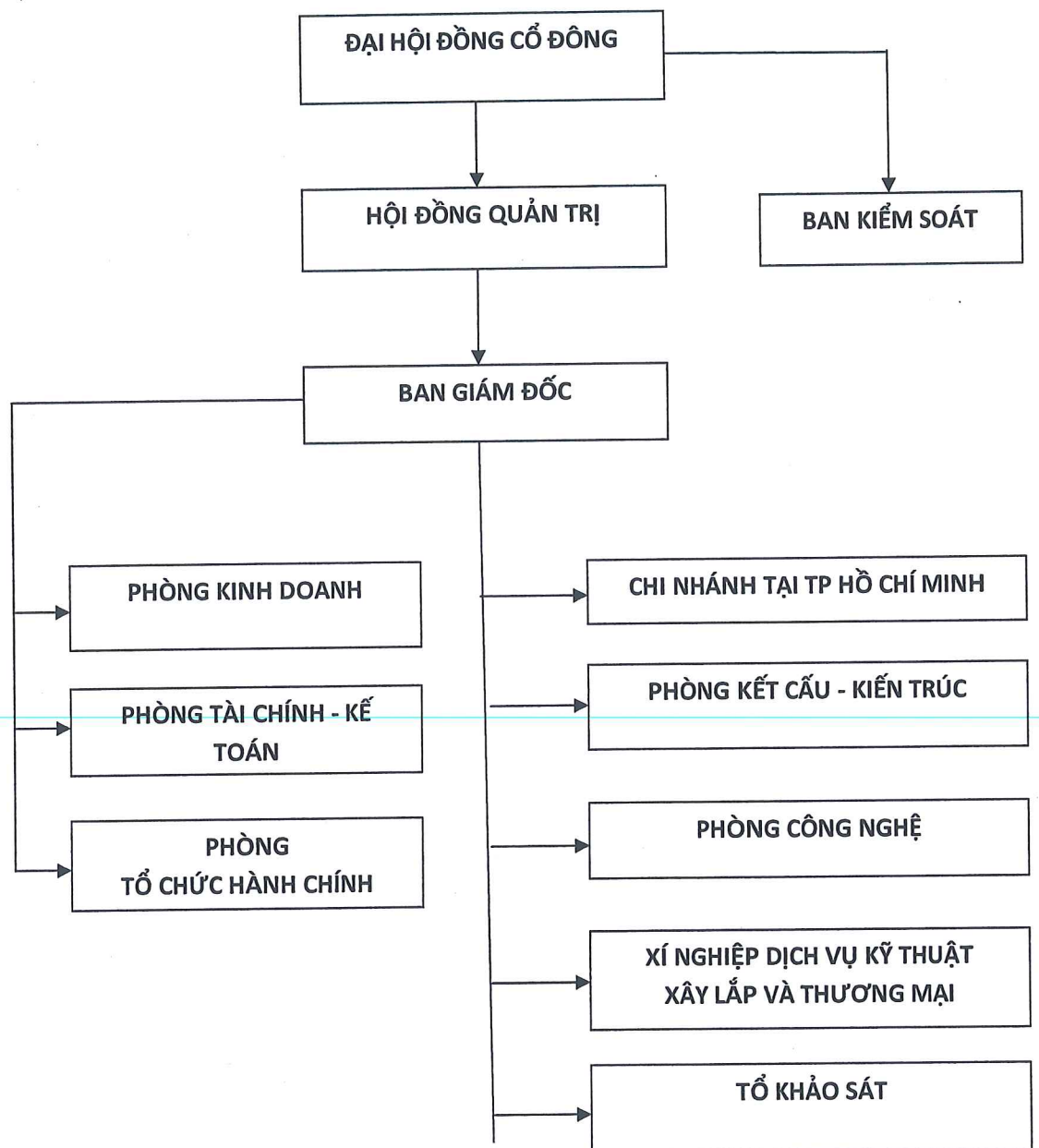
- Ngành nghề kinh doanh: Tư vấn xây dựng công trình xăng dầu, dầu khí. Thi công xây dựng, cung cấp lắp đặt thiết bị.

- Địa bàn kinh doanh: Trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Giữ vững thị phần trong Tập đoàn xăng dầu Việt Nam và mở rộng phát triển thị trường ngoài Petrolimex.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Phát triển các ngành nghề mới: Quản lý dự án, Tổng thầu EPC, mua sắm thiết bị....

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Xây dựng phát triển thương hiệu của Công ty ngày càng phát triển.

5. Các rủi ro

- Trong năm 2022, hậu quả để lại của đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế thế giới, kinh tế của Việt Nam nói chung và ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng.

- Cơ sở vật chất các Công ty xăng dầu đã hoàn thiện, do đó việc đầu tư xây dựng sẽ hạn chế.

- Sự cạnh tranh quyết liệt không chỉ từ trong nước mà cả các doanh nghiệp nước ngoài.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	TH2022/TH 2021	TH2022/KH2022
1	Sản lượng	Tr. đồng	50.845	45.500	43.762	86%	96%
2	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr. đồng	50.845	45.500	43.762	86%	96%
3	Tổng chi phí	Tr. đồng	49.464	43.500	41.701	84%	96%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	1.381	2.000	2.061	149%	103%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	1.153	1.600	1.598	139%	100%
6	Cổ tức (%)	%	9	9	9	100%	100%

- Doanh thu và thu nhập: thực hiện đạt 96% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế: thực hiện đạt 103% so với kế hoạch.

- Năm 2022, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế nói chung cũng như các ngành tư vấn dịch vụ trong đó có lĩnh vực tư vấn dự án, khảo sát thiết kế của PEC nói riêng. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc với phương châm tiết kiệm chi phí tối đa, nâng cao năng suất lao động và thay đổi các phương pháp làm việc để có hiệu quả trong sản xuất và với một tập thể đoàn kết, cố gắng nỗ lực PEC đã đạt được kết quả đáng ghi nhận lợi nhuận trước thuế tăng 3% so kế hoạch và tăng 49% so năm 2021 trong khi đó tổng doanh thu và thu nhập giảm hơn so với kế hoạch và thực tế năm 2021, trong đó:

- Doanh thu lĩnh vực tư vấn thiết kế, khảo sát, lập dự án, giám sát đạt: 22.960 triệu đồng, chiếm 54,7 % tổng doanh thu.

- Doanh thu cung cấp Alumex, thi công nhận diện thương hiệu đạt 18.980 triệu đồng, chiếm 45,3% tổng doanh thu. Năm 2022, nguồn doanh thu đem lại từ hoạt động

này tăng đáng kể, đặc biệt từ Chi nhánh phía Nam.

- Năm 2022, mặc dù đối mặt với rất nhiều khó khăn từ đại dịch Covid-19, Công ty đã nỗ lực cố gắng và đã đàm phán, ký kết thành công hợp đồng có giá trị lớn như dự án: Công ty TNHH Long Vương với giá trị 20,1 tỷ đồng, Công ty Vimeco.. và nhiều các đơn vị ngoài ngành khác.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Thành Nam	Giám đốc	13.37%	- Tỷ lệ phần vốn của TCT: 12,75% - Cá nhân: 0,62%
2	Ông Hà Dương Thanh	Phó Giám đốc	0.242%	

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

+ Năm 2022: Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2022 là: 59 người.

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Không thay đổi.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Không.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	60.335	72.028	84%
Doanh thu thuần	Tr. đồng	41.940	50.116	84%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	1.267	1.382	92%
Lợi nhuận khác	Tr. đồng	794	-1.2	-
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	2.061	1.381	149%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	1.598	1.153	139%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	Tr. đồng	9	9	100%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,31	1,22	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,19	1,08	
(TSNH - HTK/Nợ ngắn hạn)			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,65	0,71	
+ Hệ số nợ / VCSH	1,86	2,49	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	5,8	7,40	
(Giá vốn hàng bán/HKT bình quân)			
+ Vòng quay tổng tài sản			
Doanh thu thuần/Tổng TS bình quân	0,63	0,71	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/DTT	3,81	2,30	
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH	7,57	5,59	
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,65	1,60	
+ Tỷ suất lợi nhuận từ HĐKD/DTT	3,02	2,76	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần: Tổng số cổ phần năm 2022 của Công ty giữ nguyên là: 1.215.000 cổ phần, 100% số lượng cổ phần này là cổ phần chuyển nhượng tự do.

b. Cơ cấu cổ đông: Tổng công ty xây lắp và thương mại Petrolimex chiếm 51%, cổ đông là cá nhân chiếm 49%. Không có cổ đông nước ngoài.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường: Không

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Không

6.3. Tiêu thụ năng lượng: Không

6.4. Tiêu thụ nước: Không

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

i. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Năm 2022 số lượng người lao động trong công ty là: 59 người, thu nhập bình quân là: 17,5tr/người.

ii. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Trong năm 2022, do dịch bệnh Covid-19 kéo dài, bên cạnh việc tập trung ổn định mức thu nhập của cán bộ công nhân viên, Công ty đã tổ chức thăm hỏi, động viên kịp thời đối với các cán bộ công nhân viên nhiễm bệnh Covid-19; định kỳ tổ chức test nhanh và thực hiện tốt 5K cũng như việc bố trí khử khuẩn định kỳ để đảm bảo ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.....

iii. Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Do đặc thù công việc là đơn vị tư vấn do đó việc đào tạo của công ty được đan xen cùng với công việc sản xuất để tất cả các nhân viên trong Công ty ngày càng nâng cao kiến thức trong lĩnh vực của mình.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Công ty luôn tạo môi trường làm việc khuyến khích người lao động phát triển và có cơ hội thăng tiến.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

7. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	TH20 22/ TH 2021	TH20 22/KH 2022
1	Sản lượng	Tr. đồng	50.845	45.500	43.762	86%	96%
2	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr. đồng	50.845	45.500	43.762	86%	96%
3	Tổng chi phí	Tr. đồng	49.464	43.500	41.701	84%	96%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	1.381	2.000	2.061	149%	103%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	1.153	1.600	1.598	139%	100%
6	Cổ tức (%)	%	9	9	9	100%	100%

- Doanh thu và thu nhập thực hiện so kế hoạch đạt 96% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện so kế hoạch đạt 103% so với kế hoạch.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

- Về khả năng thanh toán: Các hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh năm 2022 tăng so với năm 2021, các hệ số khả năng thanh toán đều cao hơn 1 thể hiện khả năng thanh toán của Công ty tốt. Thực tế Công ty luôn thanh toán đầy đủ cho các cổ đông, người lao động, ngân sách nhà nước, nhà cung cấp, cụ thể về chỉ số khả năng thanh toán như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
1	Hệ số thanh toán tổng quát	lần	1,54	1,38
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,31	1,22
2	Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,19	1,08

Về khả năng sinh lời: Chỉ số khả năng sinh lời năm 2022 tăng hơn so với năm 2021 tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu 7,6% (năm 2021: 5,6%), tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản 2,6% (năm 2021: 1,6%).

Đây thể hiện sự nỗ lực của Công ty trong việc bảo toàn và phát triển vốn thực hiện hoàn thành vượt kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đã được Đại hội đồng cổ đông giao được minh chứng rằng vốn chủ sở hữu tăng đều các năm. Trong bối cảnh tình hình kinh tế sau phục hồi Covid-19, lạm phát tăng cao, nhà nước thắt chặt chính sách tiền tệ tăng lãi suất để kiểm soát lạm phát nên cơ hội đầu tư của các doanh nghiệp giảm, khu đất 149 Trường Chinh Công ty chưa thể khai được do chưa xử lý dứt điểm hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Tràng An bùng phát trở lại và cạnh tranh trong hoạt động khảo sát tư vấn với các doanh nghiệp bên ngoài cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	3,8	2,3
2	Hệ số lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu (ROE)	7,6	5,6
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (ROA)	2,6	1,6

b. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	64,99	71,37

- Nợ phải trả của Công ty chủ yếu số tiền khách hàng ứng trước hoặc đặt cọc thực hiện hợp đồng, Hệ số này duy trì khoảng từ 60% đến 70% thể hiện Công ty đã thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
Nợ phải trả/VCSH	%	1,86	2,49

- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu cuối năm 2022 so với cuối năm 2021 giảm đi, qua đó đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp tốt hơn

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:* Không.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai: Tiếp tục duy trì mức phát triển hàng năm, đồng thời mở rộng thị trường trong và ngoài nước*

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:* Không.

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):* Không.

b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:* Không

c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:* Không

8. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2022, Công ty đã tích cực phối hợp với các cơ quan ban ngành địa phương tham gia công tác an sinh xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị luôn theo sát hoạt động của Ban điều hành, kịp thời chỉ đạo và giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban điều hành. Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Ban điều hành và hết sức tin tưởng vào năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức của các thành viên trong Ban điều hành. Ban điều hành đã thực hiện đúng định hướng của Hội đồng quản trị trong việc tổ chức kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả cao nhất, thực hiện tốt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên giao cho.

Năm 2022 là một năm khó khăn với nền kinh tế nói chung và ngành xăng dầu nói riêng, Hội đồng quản trị ghi nhận sự nỗ lực và quyết tâm của Ban điều hành trong việc hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao:

- Ban điều hành đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị; tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

- Ban điều hành đã báo cáo thường xuyên cho Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình quản lý điều hành sản xuất kinh doanh. Với việc trao đổi, cập nhật thông tin nhanh chóng và kịp thời, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt rõ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và chỉ đạo Công ty hoạt động hiệu quả theo định hướng chiến lược đã đề ra.

- Ban điều hành thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định và thông báo của Hội đồng quản trị; Thực hiện tốt chính sách tiền lương, tiền thưởng, đời sống Người lao động duy trì mức ổn định.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty sẽ chỉ đạo Ban điều hành Công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Củng cố thị phần khách hàng truyền thống và mở rộng khách hàng, thị trường mới: Ngoài công tác tư vấn thiết kế, Công ty mở rộng ngành nghề kinh doanh như: tư vấn quản lý dự án, tổng thầu EPC, tư vấn giám sát trong nước và nước ngoài;

- Nâng cao hơn nữa chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ để hoàn thiện về mọi mặt, có khả năng chuyên môn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường, khách hàng đồng thời đảm bảo môi trường làm việc chuyên nghiệp để người lao động chuyên tâm trong công việc: môi trường làm việc, cơ hội thăng tiến, thu nhập ổn định

- Hoàn thiện hơn cơ chế quản lý, nâng cao năng lực quản lý, hoàn thiện bộ máy tổ chức, cơ chế phối hợp giữa các Phòng, Ban với nhau; giữa Ban điều hành và Hội đồng quản trị; cơ chế phối hợp giữa HĐQT với Ban điều hành và Ban kiểm soát.

- Tạo sự đoàn kết, gắn bó trong toàn Công ty từ lãnh đạo đến người lao động;

- Tăng cường giám sát các hoạt động của Ban điều hành bằng việc tham gia các cuộc họp tổng kết hàng tháng của Ban điều hành, báo cáo hàng tháng tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Mở rộng hợp tác với các Công ty tư vấn nước ngoài để tăng cường học hỏi, tiếp thu công nghệ, kiến thức mới;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ về việc thực hiện các chế độ quản lý tài chính, đầu tư, quản lý công nợ, tiết giảm chi phí kinh doanh trong toàn Công ty;

- Chỉ đạo việc thực hiện công việc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần Đô thị và Thương mại Trảng An khi có các văn bản điều chỉnh của Pháp luật về tài sản công;

- Trên cơ sở Kế hoạch đại hội cổ đông giao, xây dựng KHSXKD phù hợp với tình hình thực tế và khích lệ sự cố gắng, nỗ lực của các đơn vị ;

- Tranh thủ sự quan tâm chỉ đạo của Tổng công ty xây lắp và thương mại

Petrolimex, với tư cách là cổ đông chi phối; Tổ chức tốt mối quan hệ với các khách hàng, ban ngành, chính quyền địa phương;

- Quan tâm hơn nữa công tác an sinh xã hội.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
1	Ông Dương Đức Toàn	Chủ tịch HĐQT	26,88%	- Tỷ lệ phần vốn của TCT: 25,5% - Cá nhân: 1,38%
2	Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên HĐQT	13,37%	- Tỷ lệ phần vốn của TCT: 12,75% - Cá nhân: 0,62%
3	Ông Vũ Cường	Thành viên HĐQT	12,75%	- Tỷ lệ phần vốn của TCT: 12,75%
4	Ông Hà Dương Thanh	Thành viên HĐQT	0,242%	
5	Ông Dương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	0,241%	

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị: trong năm 2022, để đảm bảo linh hoạt trong điều hành, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp giữa các thành viên HĐQT và mời BKS tham dự. Các cuộc họp trực tiếp với các thành viên có nội dung và kết quả như sau:

STT	Thời gian họp	Nội dung cuộc họp	Tỷ lệ thông qua	Ghi chú
1	10/03/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Ban điều hành “Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022” - Dự thảo Quyết định tạm giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 - Tờ trình trình HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán và thông qua Tài liệu dự thảo “Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022” gửi TCT. - Dự thảo Quy chế Công bố thông tin PEC - Thảo luận các vấn đề liên quan đến Kế hoạch thoái vốn PEC của Tổng công ty xây lắp và thương mại Petrolimex tại Công ty - Báo cáo của Ban điều hành về kế hoạch tổng thể kỷ niệm 50 năm thành lập Công ty (2.10.1972-2.10-2022) - Kế hoạch rà soát văn bản 2022 - Thảo luận một số vấn đề khác. 	100%	

2	29/6/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Ban điều hành “Ước thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 - Kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2022” (Đính kèm báo cáo) - Báo cáo về kế hoạch chi tiết kỷ niệm 50 năm thành lập Công ty (2.10.1972-2.10.2022) - Các vấn đề về nhân sự Xí nghiệp - Xem xét và định hướng vấn đề tồn tại của phòng TVGS & QLDA - Vấn đề nhà 149 Trường Chinh - Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch chỉnh sửa và ban hành các văn bản của Công ty - Thảo luận một số vấn đề khác. 	100%	
3	26/10/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2022, Ước thực hiện Quý 4, cả năm 2022. - Tờ trình về việc thông qua Quy chế tài chính của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex - Thảo luận một số vấn đề khác. 	100%	
4	01/12/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 11 tháng đầu năm 2022, Ước thực hiện cả năm 2022. - Thảo luận một số vấn đề khác. 	100%	

d. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
1	Bà Vũ Thị Ngọc Thoa	Trưởng ban	1,35%	
2	Bà Nguyễn Thị Huê	Thành viên BKS	0%	
3	Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan	Thành viên BKS	0,00006%	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

STT	Thời gian họp	Nội dung cuộc họp	Tỷ lệ thông qua	Ghi chú
1	07/04/2022	Kế hoạch kiểm tra, giám sát Quý 1/2022	100%	
2	07/07/2022	Kế hoạch kiểm tra, giám sát Quý 2/2022	100%	
3	09/09/2022	Kết quả kiểm tra giám sát Quý 2, kế hoạch kiểm tra Quý 3/2022	100%	
4	15/12/2022	Tổng kết công tác kiểm tra năm 2022	100%	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

i. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Mức lương và quỹ tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/4/2022 và quyết định số 58/PGCC-QĐ-HĐTV ngày 01/12/2021 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty xây lắp và thương mại Petrolimex. Theo đó, tổng quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị năm 2022 là: **734.400.000 đồng** (Bảy trăm ba mươi bốn triệu, bốn trăm ngàn đồng chẵn). Trong đó:

+ Chủ tịch HĐQT chuyên trách (01 người): 642.000.000 đồng.

+ Thành viên HĐQT kiêm nhiệm (01 người): 92.400.000 đồng.

- Mức lương và quỹ tiền lương của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/4/2022 và quyết định số 58/PGCC-QĐ-HĐTV ngày 01/12/2021 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty xây lắp và thương mại Petrolimex. Theo đó, tổng quỹ tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2022 là: **271.440.000 đồng** (Hai trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn.). Trong đó:

+ Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách (01 người): 216.000.000 đồng.

+ Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm (01 người): 55.440.000 đồng.

- Mức lương và quỹ tiền lương của Ban điều hành thực hiện theo quyết định số 58/PGCC-QĐ-HĐTV ngày 01/12/2021 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty xây lắp và thương mại Petrolimex. Theo đó, tổng quỹ tiền lương của Ban điều hành năm 2022 là: **1.080.000.000 đồng** (Một tỷ, không trăm tám mươi triệu đồng chẵn.). Trong đó:

+ Giám đốc (01 người): 618.000.000 đồng.

+ Phó giám đốc (01 người): 462.000.000 đồng.

Ghi chú: Công ty chỉ chi trả thù lao đối với thành viên HĐQT và BKS kiêm nhiệm đối với người không làm việc tại Công ty.

ii. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không.

iii. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không

iv. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Năm 2022 Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty theo các quy định hiện hành.

9. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

- Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Chi tiết xem phụ lục đính kèm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PGCC (thay b/cáo);
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: HĐQT, Thư ký(12)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HĐQT

Dương Đức Toàn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PETROLIMEX
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Hà Nội - Tháng 03 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng Dầu khí Petrolimex trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1805/2003/QĐ-BTM ngày 24/12/2003 của Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101466968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/3/2004, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ chín (09) ngày 01/4/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 09 (chín) ngày 01/4/2022 là: 12.150.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười hai tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Petrolimex Engineering Joint Stock Company.

Tên viết tắt: PEC.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là PLE.

Trụ sở chính của Công ty: Số 149 Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Dương Đức Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên
Ông Hà Dương Thanh	Thành viên
Ông Vũ Cường	Thành viên
Ông Dương Thanh Tùng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Ngọc Thoa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huê	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Nam	Giám đốc
Ông Hà Dương Thanh	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc Công ty,



Nguyễn Thành Nam

Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Số: 111/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex, được lập ngày 06/3/2023, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hiện hành. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán ngày 09/3/2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần..



[Handwritten signature in blue ink]

Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Vũ Xuân Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		51.455.899.313	62.568.169.808
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.709.238.888	9.116.744.194
1. Tiền	111		4.709.238.888	7.516.744.194
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	1.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.950.000.000	21.024.893.166
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	17.950.000.000	21.024.893.166
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.124.888.882	25.181.544.937
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	15.893.904.007	17.569.175.390
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.395.140.594	2.228.407.594
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	12.032.648.129	11.896.459.302
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(7.196.803.848)	(6.512.497.349)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	4.671.771.543	7.137.942.994
1. Hàng tồn kho	141		4.750.371.652	7.216.543.103
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(78.600.109)	(78.600.109)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	107.044.517
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	107.044.517
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220)	200		8.879.583.259	9.459.908.042
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.608.000.000	1.608.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.608.000.000	1.608.000.000
II. Tài sản cố định	220		7.271.583.259	7.851.908.042
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	3.667.357.719	4.235.005.942
- Nguyên giá	222		9.612.423.638	9.578.796.365
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.945.065.919)	(5.343.790.423)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.604.225.540	3.616.902.100
- Nguyên giá	228		3.739.181.700	3.739.181.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(134.956.160)	(122.279.600)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		60.335.482.572	72.028.077.850

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		39.212.153.415	51.409.688.191
I- Nợ ngắn hạn	310		39.212.153.415	51.409.688.191
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	2.335.667.459	10.582.826.406
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	18.035.525.641	17.051.295.264
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.228.410.225	1.035.557.238
4. Phải trả người lao động	314		5.013.061.363	6.421.281.669
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	52.590.552	1.502.793.634
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.999.537.252	2.976.620.585
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	9.089.719.403	10.531.002.324
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	796.309.551
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		457.641.520	512.001.520
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		21.123.329.157	20.618.389.659
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	21.123.329.157	20.618.389.659
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.150.000.000	12.150.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.150.000.000	12.150.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.374.889.659	7.315.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.598.439.498	1.153.389.659
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.598.439.498	1.153.389.659
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		60.335.482.572	72.028.077.850

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Người lập

Phó Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Giám đốc

Phuu

Phuu



Phạm Trọng Tĩnh

Phạm Trọng Tĩnh

Nguyễn Thành Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	41.940.256.369	50.115.892.451
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		41.940.256.369	50.115.892.451
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	34.329.489.177	43.602.717.340
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		7.610.767.192	6.513.175.111
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.018.796.892	728.747.715
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.078.486	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		1.406.369.500	2.030.003.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	5.955.016.337	3.830.215.482
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		1.267.099.761	1.381.704.344
11. Thu nhập khác	31	6.6	802.560.202	530.028
12. Chi phí khác	32	6.6	8.710.590	1.727.327
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	793.849.612	(1.197.299)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.060.949.373	1.380.507.045
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	462.509.875	227.117.386
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.598.439.498	1.153.389.659
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.316	949

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Người lập

Phó Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Giám đốc







Phạm Trọng Tĩnh

Phạm Trọng Tĩnh

Nguyễn Thành Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.060.949.373	1.380.507.045
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		613.952.056	646.318.536
- Các khoản dự phòng	03		684.306.499	1.067.731.121
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.024.310	(717.401)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.018.796.892)	(728.030.314)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.341.435.346	2.365.808.987
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.437.588.600	2.031.615.531
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.466.171.451	(2.007.288.986)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(12.347.427.212)	2.893.281.998
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(258.257.439)	(227.640.365)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(54.360.000)	(148.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.414.849.254)	4.907.077.165
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(33.627.273)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(9.403.329.866)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.074.893.166	4.526.382.357
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.060.602.365	986.181.062
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.101.868.258	(3.890.766.447)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.093.500.000)	(1.579.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.093.500.000)	(1.579.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(2.406.480.996)	(563.189.282)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.116.744.194	9.679.216.075
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.024.310)	717.401
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	6.709.238.888	9.116.744.194

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Người lập

Phó Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Giám đốc

Phạm Trọng Tĩnh

Phạm Trọng Tĩnh



Phạm Trọng Tĩnh

Phạm Trọng Tĩnh

Nguyễn Thành Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng Dầu khí Petrolimex trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1805/2003/QĐ-BTM ngày 24/12/2003 của Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101466968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/3/2004, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ chín (09) ngày 01/4/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 09 ngày 01/4/2022 là: 12.150.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười hai tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Petrolimex Engineering Joint Stock Company.

Tên viết tắt: PEC.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là PLE.

Trụ sở chính của Công ty: Số 149 Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động Công ty tại ngày 31/12/2022 là 59 người (tại ngày 31/12/2021 là 63 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tư vấn khảo sát, thiết kế dự án;
- Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình hóa dầu, hóa chất, kho xăng, dầu, khí hóa lỏng;
- Thi công nhận diện thương hiệu, kinh doanh alumex;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Tư vấn, khảo sát, thiết kế dự án.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex - XN Dịch vụ kỹ thuật, xây lắp và thương mại	Thành phố Hà Nội
Chi nhánh phía Nam - Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Petrolimex (TP Hà Nội)	TP Hồ Chí Minh

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền. một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.
- Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao chi tiết như sau:

	<u>(Số năm)</u>
Phần mềm máy vi tính	05 - 08
Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 81, đường 47, phường Tân Quy, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Không trích khấu hao

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là các chi phí bảo hành công trình.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông và trích các quỹ sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ, bán hàng và xây lắp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn sản phẩm, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính là Tư vấn, khảo sát, thiết kế dự án và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	264.973.163	234.317.132
Tiền gửi ngân hàng	4.444.265.725	7.282.427.062
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	1.600.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng (*)</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>1.600.000.000</i>
Tổng	6.709.238.888	9.116.744.194

(*) Bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại có thời hạn không quá 3 tháng, lãi suất 01-6%/năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	17.950.000.000	17.950.000.000	21.024.893.166	21.024.893.166
Tiền gửi có kỳ hạn	17.950.000.000	17.950.000.000	21.024.893.166	21.024.893.166
Tổng	17.950.000.000	17.950.000.000	21.024.893.166	21.024.893.166

Đơn vị tính: VND

Tiền gửi có kỳ hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6-12 tháng với lãi suất từ 4,85%-9,5%/năm.

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	15.893.904.007	17.569.175.390
Công ty xăng dầu Tiền Giang	315.305.000	1.769.402.000
Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.924.179.543	1.924.179.543
Các khách hàng khác	13.654.419.464	13.875.593.847
Tổng	15.893.904.007	17.569.175.390
Trong đó phải thu các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	3.491.491.589	8.474.528.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.395.140.594	2.228.407.594
Công ty cổ phần Xây dựng điện và thương mại Asian	-	339.060.000
Công ty TNHH Phương Việt Tuấn	-	580.200.000
Công ty cổ phần Xây dựng Reco	318.500.000	-
Công ty TNHH TV và DV Thành Công Việt Nam	222.000.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư Cảng biển Việt Nam	217.452.950	217.452.950
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Vinasa	200.000.000	200.000.000
Các khách hàng khác	437.187.644	891.694.644
Tổng	1.395.140.594	2.228.407.594
Trong đó phải thu các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	15.572.544	15.572.544

5.5 Phải thu khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	12.032.648.129	-	11.896.459.302	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	54.899.919	-
Tạm ứng	3.054.401.187	-	3.263.957.002	-
Phải thu khác	8.978.246.942	-	8.577.602.381	-
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP Hồ Chí Minh (*)</i>	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-
<i>Lãi dự thu</i>	25.517.624	-	67.323.097	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.952.729.318	-	1.510.279.284	-
Dài hạn	1.608.000.000	-	1.608.000.000	-
Công ty cổ phần Đô thị và Thương mại Trảng An (**)	1.608.000.000	-	1.608.000.000	-
Tổng	13.640.648.129	-	13.504.459.302	-

(*): Khoản đặt cọc của Công ty cổ phần Đô thị và Thương mại Trảng An để thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/Petrolimex/Trảng An ký ngày 06/5/2017. Công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn (tài khoản phong tỏa) tại ngân hàng, toàn bộ số lãi phát sinh sẽ được hoàn trả cho Công ty cổ phần Đô thị và Thương mại Trảng An.

(**): Giá trị phần tài sản trên đất do Công ty góp theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/Petrolimex/Trảng An ký ngày 06/5/2017 để thực hiện dự án Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, thương mại dịch vụ và căn hộ ở tại số 149 Trường Chinh, Phường Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội. Trong trường hợp hợp đồng chấm dứt trước thời hạn (do các bên thỏa thuận; Bên B không có văn bản chấp thuận chủ trương; cơ quan nhà nước có văn bản từ chối các bên được hợp tác đầu thực hiện dự án; khu đất và tài sản trên đất bị trưng mua) thì bên B phải thanh toán chi phí tài chính hoặc xây dựng và hoàn trả diện tích văn phòng cho bên A với điều kiện tương đương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.6 Nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	8.734.243.378	1.537.439.530	7.917.593.342	1.405.095.993
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 6 tháng - 1 năm	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty cổ phần kho cảng và xây dựng Hàng không Miền Nam	-	-	-	1.177.000.000
Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	-	-	-	1.924.178.543
Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ kho ngoại quan Cần Thơ	-	-	-	523.883.000
Các đối tượng khác	1.600.685.193	396.044.246	878.904.055	2.233.548.341
Tổng	1.600.685.193	396.044.246	878.904.055	5.858.609.884

5.7 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.076.699.508	-	3.820.081.527	-
Hàng hóa	1.673.672.144	(78.600.109)	3.396.461.576	(78.600.109)
Tổng	4.750.371.652	(78.600.109)	7.216.543.103	(78.600.109)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2022	4.951.107.300	389.628.890	4.238.060.175	9.578.796.365
Tăng trong năm	-	33.627.273	-	33.627.273
Mua trong năm	-	33.627.273	-	33.627.273
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	<u>4.951.107.300</u>	<u>423.256.163</u>	<u>4.238.060.175</u>	<u>9.612.423.638</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2022	2.223.153.824	335.572.395	2.785.064.204	5.343.790.423
Tăng trong năm	196.044.288	30.799.204	374.432.004	601.275.496
Khấu hao trong năm	196.044.288	30.799.204	374.432.004	601.275.496
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	<u>2.419.198.112</u>	<u>366.371.599</u>	<u>3.159.496.208</u>	<u>5.945.065.919</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2022	<u>2.727.953.476</u>	<u>54.056.495</u>	<u>1.452.995.971</u>	<u>4.235.005.942</u>
Tại 31/12/2022	<u>2.531.909.188</u>	<u>56.884.564</u>	<u>1.078.563.967</u>	<u>3.667.357.719</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 589.479.156 VND (tại ngày 31/12/2021 là 589.479.156 VND).

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2022	3.600.000.000	139.181.700	3.739.181.700
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	<u>3.600.000.000</u>	<u>139.181.700</u>	<u>3.739.181.700</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2022	-	122.279.600	122.279.600
Tăng trong năm	-	12.676.560	12.676.560
Khấu hao trong năm	-	12.676.560	12.676.560
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	-	<u>134.956.160</u>	<u>134.956.160</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2022	<u>3.600.000.000</u>	<u>16.902.100</u>	<u>3.616.902.100</u>
Tại 31/12/2022	<u>3.600.000.000</u>	<u>4.225.540</u>	<u>3.604.225.540</u>

Quyền sử dụng đất là chi phí để có quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty đất lâu dài tại số 81, đường 47, phường Tân Quy, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 37.769.200 VND (tại ngày 31/12/2021 là: 37.769.200 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	2.335.667.459	2.335.667.459	10.582.826.406	10.582.826.406
Công ty TNHH Triều Chen	-	-	4.993.710.536	4.993.710.536
Công ty TNHH Thương mại Gia Phát AD	-	-	3.344.871.096	3.344.871.096
Công ty TNHH Âm thực Ngôi sao Việt	613.440.000	613.440.000	-	-
Công ty TNHH Đức Mạnh Phú Thọ	262.671.600	262.671.600	-	-
Công ty TNHH MTV Loan Nguyễn	269.658.720	269.658.720	-	-
Công ty TNHH Thiết bị đầu khí Quốc phòng Việt Nam	237.022.000	237.022.000	537.022.000	537.022.000
Các khách hàng khác	952.875.139	952.875.139	1.707.222.774	1.707.222.774
Tổng	2.335.667.459	2.335.667.459	10.582.826.406	10.582.826.406

5.11 Người mua trả tiền trước31/12/2022
VND01/01/2022
VND

Ngắn hạn	18.035.525.641	17.051.295.264
Công ty TNHH Nhựa Long Vương	4.023.200.000	-
Các khách hàng khác	14.012.325.641	17.051.295.264
Tổng	18.035.525.641	17.051.295.264
Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	874.129.125	2.306.452.032

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm	
	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022
Phải nộp	1.035.557.238	4.476.774.296	4.283.921.309	1.228.410.225
Thuế giá trị gia tăng	971.276.605	1.924.142.893	1.911.190.183	984.229.315
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.178.811	462.509.875	258.257.439	216.431.247
Thuế thu nhập cá nhân	52.101.822	736.130.425	760.482.584	27.749.663
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.348.991.103	1.348.991.103	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	5.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	52.590.552	1.502.793.634
Chi phí trích trước các công trình	52.590.552	1.502.793.634
Tổng	52.590.552	1.502.793.634

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	9.089.719.403	10.531.002.324
Kinh phí công đoàn	1.067.664.913	896.732.822
Công ty cổ phần Thương mại đô thị Trảng An (*)	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty cổ phần Thương mại đô thị Trảng An (tiền lãi ký quỹ)	389.072.680	-
Ông Đinh Ngọc Thành	-	2.157.046.490
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	-	41.610.000
Các khoản phải trả khác	632.981.810	435.613.012
Tổng	9.089.719.403	10.531.002.324

Trong đó: phải trả các bên liên quan,
(chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

80.394.000	41.610.000
------------	------------

(*): Giá trị Công ty nhận đặt cọc của Công ty cổ phần Thương mại Đô thị Trảng An để đảm bảo thực hiện dự án Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, thương mại dịch vụ và căn hộ ở tại số 149 Trường Chinh, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2021	12.150.000.000	6.915.000.000	2.194.204.471	21.259.204.471
Lãi trong năm trước	-	-	1.153.389.659	1.153.389.659
Phân phối lợi nhuận	-	400.000.000	(2.194.204.471)	(1.794.204.471)
Số dư tại 31/12/2021	12.150.000.000	7.315.000.000	1.153.389.659	20.618.389.659
Số dư tại 01/01/2022	12.150.000.000	7.315.000.000	1.153.389.659	20.618.389.659
Lãi trong năm nay	-	-	1.598.439.498	1.598.439.498
Trích lập các quỹ (*)	-	59.889.659	(59.889.659)	-
Chia trả cổ tức 2021 (*)	-	-	(1.093.500.000)	(1.093.500.000)
Số dư tại 31/12/2022	12.150.000.000	7.374.889.659	1.598.439.498	21.123.329.157

(*) Theo Nghị quyết số 034/2022/PEC-HĐQT-NQ ngày 15/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, lợi nhuận sau thuế năm 2021 được phân phối như sau: Chia cổ tức: 1.093.500.000 VND (tương ứng 9% vốn điều lệ); Quỹ đầu tư phát triển: 59.889.659 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	6.196.500.000	6.196.500.000
Các Cổ đông khác	5.953.500.000	5.953.500.000
Tổng	12.150.000.000	12.150.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	12.150.000.000	12.150.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	12.150.000.000	12.150.000.000
Cổ tức, Lợi nhuận đã chia	1.093.500.000	1.579.500.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.215.000	1.215.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.215.000	1.215.000
Cổ phiếu phổ thông	1.215.000	1.215.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.215.000	1.215.000
Cổ phiếu phổ thông	1.215.000	1.215.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tư vấn; thi công biển nhận diện thương hiệu	41.940.256.369	50.115.892.451
Tổng	41.940.256.369	50.115.892.451
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	21.155.405.044	25.287.928.544

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn hoạt động tư vấn; thi công biển nhận diện thương hiệu	34.329.489.177	43.602.717.340
Tổng	34.329.489.177	43.602.717.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.018.796.892	728.030.314
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	717.401
Tổng	1.018.796.892	728.747.715

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.024.310	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	54.176	-
Tổng	1.078.486	-

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí bán hàng	1.406.369.500	2.030.003.000
Chi phí môi giới	1.380.659.500	2.030.003.000
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	25.710.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.955.016.337	3.830.215.482
Chi phí nhân viên quản lý	2.071.815.000	1.976.550.000
Thuế phí và lệ phí	1.353.991.103	950.380.680
Chi phí dự phòng	684.306.499	271.421.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.245.300.457	227.463.261
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	599.603.278	404.399.971
Tổng	7.361.385.837	5.860.218.482

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác		
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	796.309.551	-
Thu nhập khác	6.250.651	530.028
Tổng	802.560.202	530.028
Chi phí khác		
Phạt chậm nộp thuế	8.710.590	1.712.156
Chi phí khác	-	15.171
Tổng	8.710.590	1.727.327
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	793.849.612	(1.197.299)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.060.949.373	1.380.507.045
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	251.600.000	241.760.000
<i>Chi phí không hợp lý</i>	251.600.000	241.760.000
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	2.312.549.373	1.622.267.045
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	462.509.875	324.453.409
Thuế TNDN được giảm	-	97.336.023
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	462.509.875	227.117.386

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.598.439.498	1.153.389.659
Các khoản điều chỉnh	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (*)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.598.439.498	1.153.389.659
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	1.215.000	1.215.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.316	949

(*): Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính 2022 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho năm tài chính 2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

6.9 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.534.570.415	1.405.040.567
Chi phí nhân công	16.977.718.871	20.206.406.404
Chi phí khấu hao	613.952.056	646.318.536
Chi phí dự phòng	684.306.499	1.067.731.121
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.081.688.643	19.110.579.032
Chi phí khác bằng tiền	5.323.880.718	4.453.491.269
	46.216.117.202	46.889.566.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Chủ sở hữu Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolime	Công ty mẹ
Công ty Tin học Viễn Thông	Đơn vị cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH Hóa chất PTN	Đơn vị cùng Tổng Công ty
Công ty cổ phần XNK Petrolimex	Đơn vị cùng Tổng Công ty
Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Petrolimex	Đơn vị cùng Tổng Công ty
Công ty cổ phần Thiết bị xăng dầu Petrolimex	Đơn vị cùng Tổng Công ty
Các công ty con khác cùng tập đoàn Petrolimex	Cùng tập đoàn
Công ty Xăng dầu Khu vực 1	Cùng tập đoàn
CN XD Vĩnh Phúc	Cùng tập đoàn
Cty XD Khu vực II TNHHMTV	Cùng tập đoàn
XN Bán lẻ Xăng Dầu	Cùng tập đoàn
Tổng kho XD Nhà Bè	Cùng tập đoàn
Công ty Xăng dầu Khu vực 3	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu B12	Cùng tập đoàn
XN Xăng Dầu K131	Cùng tập đoàn
Xí nghiệp kho vận XD K130	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Hà Bắc	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Phú Thọ	Cùng tập đoàn
Chi nhánh xăng dầu Hưng Yên	Cùng tập đoàn
CNXD Lạng Sơn	Cùng tập đoàn
CTXD Hà Nam Ninh	Cùng tập đoàn
CNXD Hà Nam	Cùng tập đoàn
CTXD Thanh Hóa	Cùng tập đoàn
CTXD Nghệ An	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Bình Định	Cùng tập đoàn
CtTNHH MTV XD Tây Nam Bộ	Cùng tập đoàn
Cty TNHHMTV XD Bà Rịa VT	Cùng tập đoàn
CN XD Bình Thuận	Cùng tập đoàn
CTTNHH XD Bắc Tây Nguyên	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Yên Bái	Cùng tập đoàn
CT TNHH MTV XD Thái Bình	Cùng tập đoàn
Cty XD Vĩnh Long	Cùng tập đoàn
Cty TNHH MTV XD Trà Vinh	Cùng tập đoàn
CT XD Tuyên Quang	Cùng tập đoàn
Cty XD Tiền Giang	Cùng tập đoàn
Cty TNHH MTV XD Bến Tre	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Hà Giang	Cùng tập đoàn
Cty XD Tây Ninh	Cùng tập đoàn



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)***Danh sách các bên liên quan (Tiếp theo)***

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty xăng dầu Sông Bé	Cùng tập đoàn
Chi nhánh XD Bình Phước	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH nhựa đường Petrolimex	Cùng tập đoàn
Cty TNHHMTV XD An Giang	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Long An	Cùng tập đoàn
Công ty XD Đồng Nai	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Đồng Tháp	Cùng tập đoàn
Cty CP Nhiên Liệu bay Petrolimex	Cùng tập đoàn
Cty CPTM DV Cái Bè	Cùng tập đoàn
Cty TNHH XD Kiên Giang	Cùng tập đoàn
Sài Gòn Công ty TNHH MTV PCC1 Sài Gòn	Cùng tập đoàn
CTCP TVCN-XD Petrolimex	Cùng tập đoàn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lương và thù lao của HĐQT, BGD, BKS và người quản lý khác	Lương và thù lao	2.980.286.851	2.562.299.527

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
HĐQT và Ban Giám đốc		2.323.026.948	2.033.720.728
Ông Dương Đức Toàn	Chủ tịch HĐQT	636.000.000	600.000.000
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên HĐQT, Giám đốc	612.000.000	576.000.000
Ông Hà Dương Thanh	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	456.000.000	432.000.000
Ông Vũ Cường	Thành viên HĐQT	91.200.000	86.400.000
Ông Dương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT (tiền lương)	527.826.948	339.320.728
Ban kiểm soát		483.469.958	528.578.799
Bà Vũ Thị Ngọc Thoa	Trưởng ban	216.000.000	216.000.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan	Thành viên	215.869.958	257.138.799
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên	51.600.000	55.440.000
Người được ủy quyền công bố thông tin		173.789.945	-
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hoa		173.789.945	-
Tổng		2.980.286.851	2.562.299.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng		3.491.491.589	8.474.528.016
Công ty xăng dầu Hà Giang	Cùng tập đoàn	993.144.298	1.562.480.083
Công ty xăng dầu Yên Bái	Cùng tập đoàn	211.676.900	858.226.500
Công ty xăng dầu Bắc Thái	Cùng tập đoàn	9.150.000	9.150.000
Công ty xăng dầu Phú Thọ	Cùng tập đoàn	239.574.400	-
Công ty xăng dầu KV1	Cùng tập đoàn	5.000.000	331.334.000
Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu	Cùng tập đoàn	14.137.800	14.137.800
Chi nhánh XD Vĩnh Phúc	Cùng tập đoàn	-	647.366.000
Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình	Cùng tập đoàn	6.658.300	6.658.300
Chi nhánh XD Hoà Bình	Cùng tập đoàn	6.383.129	6.383.129
Công ty xăng dầu KVIII	Cùng tập đoàn	48.025.781	48.025.781
Công ty xăng dầu Thái Bình	Cùng tập đoàn	1.551.364	1.551.361
Công ty xăng dầu B12	Cùng tập đoàn	91.685.066	-
Xí nghiệp kho vận XD K130	Cùng tập đoàn	10.200.000	32.900.000
Chi nhánh xăng dầu Hưng Yên	Cùng tập đoàn	14.075.060	14.075.060
Công ty xăng dầu Nghệ An	Cùng tập đoàn	-	181.724.698
Công ty xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Cùng tập đoàn	16.600.000	332.222.000
Công ty xăng dầu Tây Ninh	Cùng tập đoàn	11.836.703	1.402.175.429
Công ty xăng dầu Sông Bé	Cùng tập đoàn	105.965.415	-
Công ty xăng dầu Đồng Nai	Cùng tập đoàn	272.553.104	-
Công ty xăng dầu KVII - TNHH MTV	Cùng tập đoàn	651.551.951	914.398.113
Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	Cùng tập đoàn	35.839.791	12.403.391
Xí nghiệp DVXL&TM Sài Gòn	Cùng tập đoàn	-	25.715.760
Công ty xăng dầu Tiền Giang	Cùng tập đoàn	315.305.000	1.769.402.000
Công ty xăng dầu Đồng Tháp	Cùng tập đoàn	141.697.000	-
Công ty xăng dầu Vĩnh Long	Cùng tập đoàn	71.521.656	-
Công ty xăng dầu Tây Nam Bộ	Cùng tập đoàn	16.854.989	-
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Cùng tập đoàn	31.900.000	31.900.000
CTY TNHH xăng dầu Kiên Giang	Cùng tập đoàn	-	264.112.911
Cty CP Nhiên Liệu bay Petrolimex	Cùng tập đoàn	160.418.182	-
XN cơ khí và xl x/dầu- CtyCPTBXD Petrolimex	Cùng công ty mẹ	8.185.700	8.185.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên có liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán		15.572.544	15.572.544
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Cùng tập đoàn	15.572.544	15.572.544
Người mua trả tiền trước		874.129.125	2.306.452.032
Chi nhánh xăng dầu Bắc Ninh	Cùng tập đoàn	20.400.000	20.400.000
Công ty xăng dầu B12	Cùng tập đoàn	-	247.435.298
Công ty xăng dầu Hà Bắc	Cùng tập đoàn	-	75.042.600
Công ty CP Hóa dầu Petrolimex	Cùng tập đoàn	228.941.530	85.961.530
Công ty TNHH nhựa đường	Cùng tập đoàn	205.666.304	313.066.303
Công ty xăng dầu Thái Bình	Cùng tập đoàn	-	3
Công ty xăng dầu Bến Tre	Cùng tập đoàn	8.557.000	8.557.000
Công ty mẹ - Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Tập đoàn	122.727.000	170.577.000
Công ty CP nhiên liệu bay Petrolimex	Cùng tập đoàn	-	1.229.800.000
Công ty TNHH MTV xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu	Cùng tập đoàn	97.367.691	97.367.691
Công ty xăng dầu Đồng Nai	Cùng tập đoàn	-	28.244.607
Công ty CP Xây lắp 1	Cùng tập đoàn	-	30.000.000
Chi nhánh xăng dầu Hà Nam	Cùng tập đoàn	13.942.000	-
Công ty xăng dầu Nghệ An	Cùng tập đoàn	96.527.600	-
Công ty CP VT & DV Petrolimex Sài Gòn	Cùng tập đoàn	80.000.000	-
Phải trả khác		80.394.000	41.610.000
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Tập đoàn	80.394.000	41.610.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua hàng		-	30.666.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolime	Công ty mẹ	-	30.666.000
Bán hàng		21.155.405.044	25.287.928.544
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Tập đoàn	806.902.357	-
Công ty Xăng dầu Khu vực 1	Cùng tập đoàn	-	2.310.693.637
CN XD Vĩnh Phúc	Cùng tập đoàn	-	588.514.546
Cty XD Khu vực II TNHHMTV	Cùng tập đoàn	2.277.534.340	857.675.118
XN Bán lẻ Xăng Dầu	Cùng tập đoàn	-	23.377.964
Tổng kho XD Nhà Bè	Cùng tập đoàn	108.501.852	348.699.807
Công ty Xăng dầu Khu vực 3	Cùng tập đoàn	898.189.770	200.592.053
Công ty xăng dầu B12	Cùng tập đoàn	811.818.182	672.140.454
XN Xăng Dầu K131	Cùng tập đoàn	-	5.330.000
Xí nghiệp kho vận XD K130	Cùng tập đoàn	122.506.244	476.021.927
Công ty xăng dầu Hà Bắc	Cùng tập đoàn	704.218.468	83.467.273
Công ty xăng dầu Phú Thọ	Cùng tập đoàn	713.630.910	-
Chi nhánh xăng dầu Hưng Yên	Cùng tập đoàn	78.458.382	-
CNXD Lạng Sơn	Cùng tập đoàn	-	47.863.740
CTXD Hà Nam Ninh	Cùng tập đoàn	-	656.643.758
CNXD Hà Nam	Cùng tập đoàn	-	111.667.145
CTXD Thanh Hóa	Cùng tập đoàn	527.427.778	594.339.817
CTXD Nghệ An	Cùng tập đoàn	600.000.000	165.204.271
Công ty xăng dầu Bình Định	Cùng tập đoàn	185.145.524	-
CtTNHH MTV XD Tây Nam Bộ	Cùng tập đoàn	37.053.541	219.524.393
Cty TNHHMTV XD Bà Rịa Vũng tàu	Cùng tập đoàn	20.268.519	434.484.315
CN XD Bình Thuận	Cùng tập đoàn	832.265.200	304.060.000
CTTNHH XD Bắc Tây Nguyên	Cùng tập đoàn	-	873.020.000
Công ty xăng dầu Yên Bái	Cùng tập đoàn	1.221.830.912	2.397.568.727
CT TNHH MTV XD Thái Bình	Cùng tập đoàn	-	285.834.909
Cty XD Vĩnh Long	Cùng tập đoàn	1.475.331.183	493.102.849
Cty TNHH MTV XD Trà Vinh	Cùng tập đoàn	242.363.100	349.735.364
CT XD Tuyên Quang	Cùng tập đoàn	-	522.826.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Cty XD Tiền Giang	Cùng tập đoàn	3.280.757.881	4.157.221.037
Cty TNHH MTV XD Bến Tre	Cùng tập đoàn	98.633.807	256.795.540
Công ty xăng dầu Hà Giang	Cùng tập đoàn	1.186.327.922	2.354.980.555
Cty XD Tây Ninh	Cùng tập đoàn	461.120.960	4.327.450.719
Công ty xăng dầu Sông Bé	Cùng tập đoàn	304.758.959	-
Chi nhánh XD Bình Phước	Cùng tập đoàn	219.878.294	-
Công ty TNHH nhựa đường Petrolimex	Cùng tập đoàn	362.181.818	-
Cty TNHH MTV XD An Giang	Cùng tập đoàn	3.431.774	462.340.062
Công ty xăng dầu Long An	Cùng tập đoàn	24.980.298	-
Công ty XD Đồng Nai	Cùng tập đoàn	398.845.691	118.141.486
Công ty xăng dầu Đồng Tháp	Cùng tập đoàn	378.531.980	-
Cty CP Nhiên Liệu bay Petrolimex	Cùng tập đoàn	1.953.636.364	178.181.818
Cty CPTM DV Cái Bè	Cùng tập đoàn	88.557.325	90.326.250
Cty TNHH XD Kiên Giang	Cùng tập đoàn		320.102.646
Cty TNHH XD Kiên Giang	Cùng tập đoàn	411.794.800	-
Sài Gòn Công ty TNHH MTV PCC1 Sài Gòn	Cùng tập đoàn	140.630.000	-
CTCP TVCN-XD Petrolimex	Cùng tập đoàn	177.890.909	-
Chi trả cổ tức		557.685.000	805.000.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolime	Công ty mẹ	557.685.000	805.000.000

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh Phía Bắc.

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Người lập

Phó Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Giám đốc

Phạm Trọng Tĩnh

Phạm Trọng Tĩnh



Phạm Trọng Tĩnh

Phạm Trọng Tĩnh

Nguyễn Thành Nam

